

Trốn Chạy từ Bắc vô Nam

(Chương 7 của cuốn “Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ”)

Tác Giả: Huy Vũ

*“Một ngày năm bốn cha bỏ quê xa
Nơi chôn nhau cắt rốn đã bao nhiêu đời
Một ngày năm bốn cha bỏ phương trời
Miền Bắc âm u mưa phùn rơi.. ...”*

Tiếng hát Elvis Phương, bài “1954 Cha Bỏ Quê – 1975 Con Bỏ Nước” của Phạm Duy đã làm cho tôi nhớ lại cuộc trốn chạy Từ Bắc Vô Nam của gia đình tôi sau Hiệp Định Geneva 1954. Phần lớn những người miền Bắc tham dự vào cuộc di cư hay bỏ phiếu bằng chân vĩ đại này là những người đang sống ở những vùng do quân đội Pháp chiếm đóng hay trong vùng thuộc chính quyền Quốc Gia kiểm soát, nên ra đi giữa ban ngày ban mặt, có kẻ tiễn người đưa. Còn gia đình tôi lúc ấy, đang sống trong một ngôi làng thuộc vùng kháng chiến ở liên khu Bắc Việt, và cũng là nơi cuộc “Cách Mạng Ruộng Đất Trời Long Đất Lở” đang được thực thi. Trong cuộc cách mạng này, gia đình tôi lại là đối tượng chính, nên bị du kích và bản cố nông canh chừng và theo dõi ngày đêm rất cẩn mật. Do đó việc trốn chạy ra khỏi làng của gia đình tôi rất khó khăn và đầy dẫy nguy hiểm. Tuy biết rõ như vậy, nhưng gia đình tôi vẫn quyết định ra đi, vì biết rõ rằng, nếu cứ khư khư ôm lấy “nơi chôn nhau cắt rốn đã bao nhiêu đời” để tiếp tục hô khẩu hiệu “Hồ Chí Minh Muôn Năm” và “Đảng Lao Động Việt Nam Muôn Năm”, có khác nào như người tử tù đợi ngày ngày lành tháng tốt để đưa đầu vào máy chém.

Tính đến lúc phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả của ông cha ra đi, gia đình tôi “hân hạnh” đã được sống với Bác và Đảng hơn 9 năm. Trong thời gian ấy, làng quê tôi lại là vùng tiền tuyến, vì nằm đối diện với một dãy đồn bốt của quân đội viễn chinh Pháp ở phía bên kia sông Hồng, như đồn Ghềnh, Hưng Hoá, Trung Hà.. .. Từ các đồn này, quân Pháp thường vượt sông đột nhập vào làng tôi cũng như các làng kế cận. Những cuộc hành quân như thế, thường kéo dài trong ngày, song đôi khi lại kéo dài nhiều ngày. Mỗi khi thấy thuyền bè được tập trung và binh lính Pháp kéo ra bờ sông là du kích canh gác bên này sông lại đánh trống, gõ mõ, đập kèn inh ỏi để báo động cho dân chúng cấp tốc di tản. Ngay sau đó, là tiếng súng đủ loại bắn xối xả qua sông. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng kèn, tiếng súng trường, súng liên thanh, súng cối v.v.. kết hợp với nhau tạo thành một âm thanh rùng rợn khủng khiếp đến nỗi người nghe phải nổi da gà và dựng tóc gáy. Trong âm thanh đó, dân làng tôi bồng bế con cái, gánh gồng gạo thóc, nồi niêu, soong chảo, dất trâu bò v.v. cắm đầu chạy vào các làng mạc nằm sâu trong vùng đồng trũng hay xa hơn nữa. ...

Vào những ngày quân Pháp vượt sông xâm nhập vào làng tôi, là có một số nhà trong làng bị đốt cháy; dăm ba người bị lạc đạn chết, hay bị thương, hoặc bị bắt mang đi; một vài phụ nữ bị hãm hiếp; một số trâu, bò, lợn, gà bị bán chết. Có thể nói, suốt trong 9 năm kháng chiến, sinh mạng của dân quê vùng tôi như chỉ mảnh treo chuông. Nhưng chúng tôi vẫn cố bám lấy ruộng đất để sống và đóng góp cho kháng chiến theo lời khuyên dụ của ông Hồ :

*“Dù cho vất vả gieo neo
Con đường kháng chiến quyết theo đến cùng”*

Dù bữa đói bữa no, dù gian khổ tột cùng, gia đình tôi và dân làng tôi vẫn một lòng tin tưởng ông Hồ và chính phủ của ông thực tâm chống Pháp để giành độc lập và tự do cho dân tộc. Nhưng cho đến lúc được Trung Cộng và Liên Xô chi viện dồi dào, và đặc biệt khi biết rõ là sẽ làm chủ hoàn toàn giải đất từ ai Nam Quan đến sông Bến Hải qua hiệp định Geneve, ông Hồ và đảng Lao Động tức đảng Cộng Sản của ông bắt đầu hiện rõ nguyên hình là tay sai đắc lực của Nga Tàu. Họ vâng theo lệnh Quan Thầy Trung Quốc và Nga Xô, thực thi ngay cuộc Cách Mạng Ruộng Đất ở Việt Nam để “đào tận gốc, tróc tận rễ” tầng lớp “trí, phú, địa, hào”, và làm đảo lộn trật tự xã hội Vietnam vốn lấy “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” làm trọng. Vì thế ngay sau khi hệ thống đồn bốt của Pháp, chạy dọc theo bờ phía bên kia sông Hồng thuộc tỉnh Sơn Tây vừa rút đi theo các điều khoản của hiệp định Geneve, là Trung Ương đảng đã cho thực thi ngay cuộc Cách Mạng Ruộng Đất Long Trời Lở Đất mà giai đoạn I của nó là chiến dịch Phóng Tay Phát Động Quần Chúng Đấu Tranh Chống Địa Chủ (PT/PĐQC/ĐTCĐC) ở quê tôi. Các đội cán bộ phát động tới tập được gửi đến công tác ở các làng mạc ở phía

Nam tỉnh Phú Thọ, và các làng mạc trong vùng mới được tiếp quản thuộc tỉnh Sơn Tây. Khi đội phát động được phối trí tới làng nào, là chỉ trong một thời gian ngắn số lượng địa chủ trong làng ấy tăng vọt, vì Bác và Đảng luôn luôn chủ trương rằng “thà giết làm 10 người còn hơn là tha làm một người”. Vào dịp này, gia đình tôi và một số khá đông những gia đình khác trong làng được “tán phong” là địa chủ bóc lột hay ác ôn và bị lôi ra “tố khổ” và “đấu tố”. Trong chiến dịch PT/PĐQC/ĐTCĐC, bước đầu của cuộc Cách Mạng Ruộng Đất, việc đầy đọa, tố khổ và đấu tố địa chủ rất là dã man, song thật sự mới chỉ là bước sơ khởi để nhằm hạ “uy thế” giai cấp địa chủ. Cộng Sản Việt Nam cho rằng, xã hội Việt Nam là một xã hội “trọng phú khinh bần”, nên ở nông thôn địa chủ được nể nang trọng vọng và thường nắm mọi uy quyền. Do đó cần phải đập tan “uy thế” này trước đã, thì nông dân mới dám vùng lên thẳng tay đấu tranh với địa chủ trong những bước kế tiếp được.

Theo sau chiến dịch PT/PĐQC/ĐTCĐC là tới chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất. Trong chiến dịch này, người ta mới thấy hết được tính chất “dã man tàn bạo” khủng khiếp của cái gọi là đảng Cộng Sản Việt Nam dưới cái tên trá hình là đảng Lao Động. Tuy gia đình tôi chưa hân hạnh nếm mùi tân khổ của chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất, nhưng riêng tôi lại có cơ hội mắt thấy, tai nghe những gì đã được thực thi trong đợt Cải Cách Ruộng Đất ở làng Sơn Lũng, là nơi tôi trọ học khi đang học ở trường trung học Xuân Huy. Trong đợt Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ), địa chủ không còn bị đấu tố lễ tẻ như trong đợt PT/PĐQC/ĐTCĐC nữa, mà bị điệu ra xét xử hàng loạt trước cái gọi là Tòa Án Nhân Dân. Trước toà này, hầu như 50% địa chủ bị giết và 100% bị tịch thu toàn bộ tài sản. Rất nhiều địa chủ, vì không muốn bị làm nhục nên đã tự tử dưới nhiều hình thức rất sáng tạo và rùng rợn chưa từng có trong lịch sử dân gian.

Rõ ràng là sau khi chiến dịch Phóng Tay Phát Động Quần Chúng đã đi qua và đứng trước chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất sắp tới, nếu gia đình tôi cứ tiếp tục “trung với Đảng” và “hiếu với Bác”, thì chắc chắn thầy me tôi sẽ bị giết và nhà cửa, ruộng vườn và tài sản, từ chối cùn đến rế rách, sẽ bị tịch thu. Còn chúng tôi với lý lịch con cái địa chủ sẽ muôn đời không ngóc đầu lên được để nhìn thấy ánh sáng mặt trời, và sẽ phải sống cô lập như thân phận những con chó ghé ở miền Bắc hay chó xà-mâu ở miền Nam. Với tình huống như thế, dường như không còn con đường nào khác hơn cho gia đình tôi là “dĩ đào vi thượng”. Nhưng “đào” đi đâu là vấn đề lớn đối với gia đình tôi lúc bấy giờ ? Có lẽ cũng chỉ còn có một con đường duy nhất mà Hiệp Định Geneva đã mở lối là: “Trốn vào miền Nam”.

Chín năm sống với Bác và Đảng, là chín năm bị tuyên truyền nhồi sọ. Gia đình tôi cũng như hầu hết dân chúng trong vùng kháng chiến lúc bấy giờ sống như những con ngựa còm cõi, cặm cụi kéo xe, hai mắt bị che, nên hầu như không biết gì về cuộc sống thực sự của người Việt trong vùng kiểm soát của quân đội Pháp. Cứ theo lời tuyên truyền một chiều của cộng sản, thì hầu hết người Việt trong vùng Pháp tạm chiếm đều là những tên “Việt Gian” bán nước. Như vậy, việc trốn vào miền Nam của gia đình tôi, cũng có nghĩa là trốn theo Pháp để làm Việt Gian. Chín năm chống Pháp, phải hứng chịu không biết bao nhiêu là khổ đau và mất mát, rồi cuối cùng lại phải trốn theo Pháp để làm tay sai. Còn nhục nhã nào hơn không? Lương tâm con người không thể không cắn rứt. Tuy nghĩ thế, song trước mắt gia đình tôi hầu như không còn con đường nào khác hơn để sống còn nữa, nên đành phải nhắm mắt đưa chân. Sau chín năm sống trong vùng kháng chiến, gia đình tôi đã nhận ra rằng Bác và Đảng phũ phàng như chó, bạc bẽo như vôi, và độc ác hơn thú dữ. Chúng tôi cũng đã rút ra được một bài học quý giá rằng: “Thà sống với thực dân Pháp còn hơn là sống với Cộng Sản”. Thật khó để có thể tìm được một lời biện giải hợp lý cho hành động “bám gót giày” theo thực dân Pháp để kiếm chút cơm thừa canh cặn mà gia đình tôi lúc bấy giờ đang dần thân vào. Mãi về sau, được đọc tập thơ của ngục Sĩ Nguyễn Chí Thiện, tôi mới tìm thấy có mấy vần thơ “gãi” đúng chỗ ngứa nhiều năm về trước của gia đình tôi:

*“Ôi thẳng Tây trước kia
Người dân không tiếc máu xương đánh đuổi
Nay họ xót xa luyến tiếc vô cùng
Nhờ nanh vuốt của lũ thú rừng (cộng sản)
Mà bàn tay cai trị thực dân hoá ra êm ả.”*

À ra thế đấy! Dù gì gì đi nữa, sống dưới bàn tay cai trị nhám nhúa của Thực Dân Pháp vẫn còn êm ả hơn là sống dưới nanh vuốt sắc bén của lũ thú rừng cộng sản.

Khi đã quyết định “dĩ đào vi thượng” chúng tôi lợi dụng ngay thời gian cận Tết Nguyên Đán để ra đi. Vì lúc ấy, những chú du kích và các anh chị em bần cố được bố trí theo dõi và bám sát gia đình tôi, đã có đôi chút lơ là.

Chúng tôi đã rời nhà vào đêm 27 rạng 28 tháng Chạp năm Giáp Ngọ, nghĩa là chỉ còn có bốn, năm chục giờ nữa là đã bước sang năm mới Ất Mùi. Anh chị tôi và đứa em gái ra đi từ căn trại cuối làng. Còn thầy me tôi và tôi từ căn nhà chính trong làng. Điểm hẹn gặp lại nhau là nhà bà chị của thầy tôi ở phố Hàng Gai, Hà Nội.

Vì me tôi bị chứng tê thấp hành hạ đã mấy năm nay, và gia đình tôi bị bao vây cô lập trong một thời gian dài, nên không còn tiền bạc để thuốc thang chữa trị, do đó bà đi lại rất khó khăn. Được coi là người trẻ và khỏe nhất trong gia đình lúc bấy giờ, nên tôi được phân công “hộ tống” bà, và trong trường hợp cần thiết, tôi sẽ đóng vai “Lục Vân Tiên” cõng mẹ trên đường trốn chạy. Tôi và me tôi rời nhà vào lúc 2 giờ sáng. Còn thầy tôi ra đi sau đó một tiếng đồng hồ. Tôi dẫn me tôi theo ngõ sau để ra cánh đồng sau làng, rồi từ đó đi men theo những bờ ruộng ngoằn ngoèo, quanh co để tới cánh đồng chiêm làng tôi. Chúng tôi dự định sẽ đi xuyên qua cánh đồng chiêm làng tôi, làng Thành Chu và làng Quỳnh Lâm để tới bến đò đầu làng Vĩnh Lại, rồi đi đò qua sông Hồng sang Trung Hà. Tôi đi trước, me tôi theo sau, cách nhau một khoảng cách an toàn, để lỡ ra có gặp ai ở phía trước, tôi sẽ nói lớn, để me tôi ở phía sau tìm cách lẩn tránh. Tôi đi rất chậm để me tôi có thể bắt kịp. Sau mỗi quãng đường ngắn, tôi lại ngồi xuống, nhìn về sau để xem me tôi có theo kịp hay không? Sau nhiều lần làm như thế, tôi đều thấy bóng đen chậm chạp của me tôi nhô lên khỏi đường chân trời lấp lánh ánh sao đêm, nên tôi tin rằng me tôi đã bắt kịp không mấy khó khăn. Cũng vì tin như thế nên nhịp độ đứng lên và ngồi xuống để nhìn về phía sau của tôi càng về sau càng thưa dần.

Khi đã đi xuyên qua hết cánh đồng chiêm làng tôi, và bước vào cánh đồng chiêm làng Thành Chu, một lần nữa tôi lại ngồi xuống để nghe ngóng xem có người lạ ở phía trước không? Khi tin là không có ai ở phía trước cả, tôi mới nhìn về phía sau để tìm kiếm bóng hình của me tôi. Nhưng không thấy gì cả. Không dám cất tiếng gọi, vì giữa cánh đồng trong đêm khuya thanh vắng, một tiếng động, dù nhỏ, cũng có thể âm vang cả mấy cây số ngàn. Tôi đi trở lại về phía sau một đôi khá xa để tìm kiếm, nhưng vẫn không thấy me tôi. Lúc đầu tôi nghĩ rằng, có lẽ vì đã đi được một quãng khá dài trên đường ruộng gập ghềnh, nên chứng đau nhức của bà lại làm khó để chi đây. Đợi và kiếm loanh quanh thêm năm mười phút nữa mà vẫn không thấy bóng dáng me tôi.

Lòng tràn ngập lo âu, song tôi vẫn tin rằng, có lẽ vì bờ ruộng, lúc thẳng, lúc cong, lúc bẻ trái, lúc ngoẹo phải, và me tôi tuy mang tiếng là địa chủ, nhưng thực ra đây là lần đầu tiên bà bước chân tới cánh đồng chiêm của làng tôi, nên mới đi lạc quanh quần đàu đó thôi. Lòng vòng tìm kiếm thêm một hồi khá lâu nữa mà vẫn không thấy bà, tôi đành phải tiếp tục cuộc hành trình với hy vọng là sẽ gặp bà ở bến đò ngang qua Trung Hà tại đầu làng Vĩnh Lại, vì trước khi rời nhà ra đi, tôi cũng đã dặn phòng hờ bà rằng, trong trường hợp bị thất lạc thì cứ hỏi thăm đường đến bến đò này.

Trên đường tới bến đò Vĩnh Lại, tôi đi chậm lại, và mở rộng hướng đi lúc trái, lúc phải với hy vọng gặp được me tôi. Sau cả tiếng đồng hồ, tôi đã đi xuyên qua hết cánh đồng chiêm của làng Quỳnh Lâm, mà bóng dáng me tôi vẫn biến biệt. Khi trời đã lờ mờ sáng, nhìn lại phía sau, tôi thấy một bóng đen đang đi hướng về bến đò làng Vĩnh Lại. Tôi đã vội mừng thầm, vì nghĩ đó có thể là me tôi. Tôi đổi hướng đi để đón đầu bóng đen ấy, nhưng khi đến gần hơn, tôi nhận thấy bóng đen ấy đi đứng trên những bờ ruộng gập ghềnh rất vững vàng, chứng tỏ là rất quen thuộc với đồng ruộng, nên không thể là me tôi được. Nổi mừng chợt đến, rồi lại chợt đi. Lo âu tràn ngập trong lòng. Tôi nghĩ rằng có lẽ là việc trốn chạy của gia đình tôi đã bị đổ bể, và rất có thể bóng đen đang di chuyển ấy là một trong những tên du kích, hay bàn cố được phái đi tìm kiếm chúng tôi. Nghĩ như thế, nên tôi bèn tìm một bụi cỏ rậm ở một bờ ruộng gần đấy để ẩn mình, và cũng là để chờ xem bóng đen ấy là ai. Khi bóng đen đi ngang qua, tôi mới nhận ra người ấy không ai khác hơn là thầy tôi. Tôi vội vàng bám theo để cho ông hay là me tôi đã đi lạc. Dù lúc ấy trời tuy chưa sáng rõ lắm, nhưng tôi cũng đã cảm nhận được nét lo âu thoáng hiện trên mặt ông, nên tôi đã vội vàng nhắc tới lời bàn định trước khi ra đi, là mạnh ai nấy đi để tìm về điểm hẹn dù có bị lạc nhau, và tôi cũng nói thêm để ông yên lòng là tôi sẽ nấn ná ở lại để tìm kiếm me tôi.

Đã hơn 9 giờ sáng, cánh đồng làng Vĩnh Lại vẫn vắng lặng không một bóng người, ngoại trừ một vài con trâu đang cặm cũi gặm cỏ trên những thửa ruộng gần bờ đê. Có lẽ người dân trong làng này, dù thiếu thốn và vất vả quanh năm, song họ vẫn cố gắng xoay xở, đắp đổi để được nghỉ ngơi vào dịp Tết. Nhìn xuôi về phía cánh đồng sau làng Trình Xá để tìm kiếm bóng hình của me tôi nhưng chẳng thấy gì cả. Nhìn ngược lại cánh đồng làng Quỳnh Lâm, cũng chẳng thấy bóng dáng nào để có thể nghĩ là me tôi. Nhìn về cánh đồng chiêm sau làng Vĩnh Lại, chỉ thấy một dải xanh thẫm trải dài đến tận lũy tre xanh nhấp nhô bao quanh làng Thạch Cáp. Cả ba hướng đều thất vọng cả, nên tôi chỉ còn bám víu vào một tia hy vọng nhỏ nhoi là, những người khuất mặt,

khua tay và linh thiêng trong gia đình tôi sẽ dẫn lối chỉ đường cho mẹ tôi tới được bến đò ngang Vĩnh Lại - Trung Hà.

Tôi tiếp tục đi về hướng bến đò, tuy chẳng còn bao xa nữa, song với tâm tư đầy chán nản và thất vọng. Khi tới bến đò, nhìn đồng hồ trên tay đã thấy chỉ 10 giờ, mà cũng chẳng thấy mẹ tôi đâu. Hỏi thăm ông lái đò duy nhất ở bến đò này, thì được biết là, từ chuyến đò đầu tiên sáng nay cho tới lúc ấy, chưa có một bà già nào giống như tôi mô tả qua đò cả. Đã tám tiếng đồng hồ trôi qua, mà mẹ tôi vẫn chưa đến được bến đò chỉ cách nhà tôi khoảng 5 cây số. Bình thường chúng tôi đi chỉ mất hơn một tiếng là cùng. Tôi tin rằng trễ lắm là 8 giờ sáng, bọn bản cố nông có nhiệm vụ theo dõi gia đình tôi đã phát giác sự vắng mặt bất thường của gia đình tôi rồi, nên rất có thể, một trong những toán du kích và bản cố nông được cử đi lùng kiếm chúng tôi cũng đang trên đường đi đến bến đò này? Cũng có thể mẹ tôi đã bị chúng tóm được ở một nơi nào đó rồi, và chúng đang mắng chửi và đánh đập trên đường dẫn giải về làng? Suy diễn như thế đã khiến tôi phân vân là không biết có nên tiếp tục đi Hà Nội nữa không, nếu không kiếm được mẹ tôi?

Thầy tôi, vợ chồng người anh và đứa em gái chắc đã đi thoát được cả rồi, và có lẽ đang ngồi trong những chiếc xe hàng bon bon trên đường Trung Hà – Sơn Tây hay Sơn Tây - Hà Nội. Mừng cho họ bao nhiêu, tôi lại càng lo lắng cho số phận mẹ tôi bấy nhiêu. Mẹ tôi còn một người con gái nuôi, chị Xuyên, lúc ấy đã lấy chồng và ở riêng. Gia đình chồng là trung nông. Nếu chẳng may, mẹ tôi bị bắt về làng, chắc chắn chị Xuyên dù có thương mẹ nuôi đến đâu đi nữa, cũng không dám đón bà về sống với chị. Trong chiến dịch PT/PĐQC/ĐTĐC vừa qua, mặc dù với sức ép của đội phát động, của chính quyền, của nông hội, của gia đình chồng, chị đã can đảm không mở miệng tố khổ bố mẹ nuôi đã bóc lột chị đến tận xương tận tủy là quá đủ rồi. Gia đình tôi không thể đòi hỏi và mong đợi chị phải hy sinh nhiều hơn nữa. Vào thời gian này, sức khỏe của mẹ tôi đã suy sụp quá nhiều. Nếu phải trở về làng một mình chắc chắn mẹ tôi không thể sống được. Vì bệnh tật và đau yếu, nên ngay cả công việc vệ sinh và nấu ăn hàng ngày cho mình, chưa chắc bà có thể tự lo liệu được, còn nói chi đến việc chạy vạy kiếm dăm ba quả chuối xanh, vài ba củ khoai lang, hay năm ba khúc khoai mì để sống cho qua ngày giữa một bầy nông dân thù nghịch.

Tôi đi đi lại lại rất nhiều lần trên lối đi, từ bờ đê xuống bến đò và từ bên đò ngược lên bờ đê, để tìm kiếm và đợi chờ mẹ tôi. Tôi cũng hy vọng với một phép màu nhiệm nào đó sẽ đưa mẹ tôi đến bến đò này. Tôi cũng tự trách mình là người đã gây ra việc đi lạc của mẹ tôi. Giả sử, nếu tôi đi sát với mẹ tôi hơn nữa trên cánh đồng chiêm sau làng, thì đâu đến nỗi mẹ con phải lạc nhau. Trong lúc đi lại và suy nghĩ lung tung, tôi đã có được một quyết định dứt khoát là, tôi sẽ chờ mẹ tôi cho tới 5 giờ chiều tại bến đò này; nếu không thấy, thì coi như bà đã bị bắt, và tôi sẽ trở về nhà để lo liệu cho mẹ tôi.

Khoảng 11 giờ, lại thêm một lần nữa, tôi từ bến đò đi ngược lên con đê, rẽ phải, rồi đi về phía làng Trinh Xá, vừa qua khỏi khúc ngoẹo một chút, thì tôi thấy mẹ tôi đang đứng nói chuyện với một cậu bé chăn trâu. Có lẽ là bà đang hỏi thăm đường đến bến đò chẳng? Tôi mừng đến nỗi nước mắt tự động tràn ra khoe mắt. Mới chỉ xa cách mẹ tôi có khoảng 8 tiếng đồng hồ, mà tôi tưởng chừng như một thế kỷ. Cố kìm hãm xúc động và lấy lại vẻ tự nhiên, tôi đến gần bà, và giả bộ như không hề quen biết, cất tiếng hỏi: “Bà cụ ơi ! Chắc bà cũng sang Trung Hà phải không ? Mau lên ! Đò đang đợi khách đó !

Thấy tôi bà rất mừng, nhưng không khỏi ngạc nhiên về câu hỏi như người xa lạ của tôi. Nhưng chỉ vài giây sau, vẻ ngạc nhiên của bà đã biến mất, có lẽ vì bà đã nhớ đến lời căn dặn của chúng tôi trước khi ra đi, là trên đường trốn chạy không được nhận nhau. Tôi quay lại và bà lững thững đi theo tôi xuống bến đò. Thêm bà nữa là đủ số người tối thiểu mà ông lái đò mong đợi. Khi con đò đưa chúng tôi qua sông Hồng vừa cập bến Trung Hà, mẹ tôi lại một lần nữa quên lời dẫn dò trước khi ra đi, bà đã trả liền một lúc hai xuất tiền đò và nói với ông lái đò rằng một cho bà và một cho con trai của bà là tôi. Cũng may là trên đò chẳng có ai quen biết cả.

Khoảng 12 giờ trưa chúng tôi đã tới được bến xe Trung Hà – Sơn Tây. Chuyến thứ nhì và cũng là chuyến chót trong ngày vẫn còn nằm tại bến đợi khách. Chiếc xe hàng, có lẽ trước đây là chiếc xe vận tải của tư nhân trong vùng kiểm soát của quân đội Pháp, sau ngày “giải phóng” được “cải tiến” thành xe chở hành khách. Phần thùng xe, cách biệt với buồng lái, trước đây là chỗ chất hàng hoá, nay được sửa chữa lại đôi chút để đặt bốn băng ghế dài bằng gỗ cho hành khách ngồi. Tôi và mẹ tôi đã phải leo lên xe bằng chiếc thang cây đặt ở cuối xe. Tuy đã có thêm khách là tôi và mẹ tôi cùng một vài người nữa, song vẫn chưa đủ số người tối thiểu

mà chủ xe mong muốn, nên hành khách vẫn phải tiếp tục chờ đợi.

Lên xe, tìm được chỗ ngồi xong xuôi, tôi mới để ý đến những hành khách đang ngồi trên xe. Nhìn vào góc trong cùng của thùng xe, tôi thấy có một người mang chiếc áo lạnh nhà binh màu cứt ngựa, giống như chiếc áo của thầy tôi. Nhìn kỹ hơn, tôi nhận ra đúng là thầy tôi thật. Có lẽ ông đã thấy chúng tôi khi vừa mới lên xe, nhưng vì tôn trọng lời bàn định lúc ra đi, nên ông đã ngồi yên lặng một chỗ. Trong lúc chờ xe khởi hành, tôi cảm thấy an tâm được phần nào, vì cuộc trốn chạy của gia đình tôi như thế là đã ra khỏi vùng nguy hiểm, nơi có nhiều người quen biết, và cũng là vùng mà bọn du kích và bản cổ làng tôi có khả năng truy lùng.

Đang mừng thầm trong lòng, tôi bỗng thấy một thanh niên trong làng, tên Xuất, xuất hiện ngay ở phía sau xe, và đang nhìn vào trong xe như muốn tìm kiếm một người nào đó. Sự xuất hiện đột ngột của anh Xuất đã làm cho tất cả sự vui mừng mới có trong tôi ít phút trước đây bỗng tan biến thành mây khói. Thay thế vào đó là tràn ngập lo âu, vì thêm một lần nữa tôi lại nghĩ là, sự trốn chạy của gia đình tôi đã bị phát giác thật rồi, và anh Xuất là một trong số những người làng được phái đến bến xe này để tìm kiếm chúng tôi. Tôi vội vã quay mặt vào phía trong, với hy vọng mong manh là anh Xuất chưa nhìn thấy tôi. Còn thầy me tôi, mỗi người một góc mãi trong cùng, nên có thể anh Xuất chưa thấy được.

Đang phân vân lo sợ, thì tôi nghe thấy anh Xuất phàn nàn với mấy hành khách ngồi ở phía ngoài cùng rằng, anh đã đến bến xe này từ 9 giờ sáng, và đã đợi hơn ba tiếng đồng hồ rồi, mà xe vẫn chưa chịu chạy. Than phiền xong, anh lững thững đi về phía đầu xe. Tuy nhiên tôi vẫn không dám tin rằng anh Xuất là một hành khách thuần túy, mà còn ngờ vực rằng, có thể anh ta đã nhận ra chúng tôi, song vì chỉ có một mình, rất khó bắt và dẫn giải cả ba người cùng một lúc được, nên anh mới giả vờ than phiền và lĩnh đi, để chờ tiếp viện, hoặc đến đồn công an bến xe để yêu cầu giúp đỡ. Khi anh Xuất vừa đi khuất, tôi bèn xuống xe lên theo sau, và cho đến khi thấy anh đi tới buồng lái, mở cửa, leo lên xe, uể oải ngồi xuống phần ghế mà anh vì đã chiếm được ngay sát cửa xe. Tới lúc đó tôi mới tạm tin rằng, anh Xuất không phải là người của nông hội hay của đội Phát Động phái đi tìm bắt chúng tôi, mà chỉ là một trong những hành khách đến sớm nhất, nên được ưu tiên chiếm một chỗ ngồi tốt trong buồng lái mà thôi.

Chúng tôi phải đợi thêm gần một tiếng đồng hồ nữa mới đủ số lượng hành khách để xe chạy. Trong thời gian chờ đợi, tuy ngắn ngủi, nhưng tôi cảm thấy dài vô hạn, vì cứ độ mười hay mười lăm phút, anh Xuất lại từ buồng lái đi về phía sau xe làm công tác “kiểm tra” hành khách một lần. Tôi rất thông cảm với sự chờ đợi quá lâu của anh, song tôi cũng không khỏi lo ngại rằng, nếu chẳng may thấy được sự có mặt cả ba chúng tôi cùng một lúc trên xe, anh Xuất sẽ đoán ra sự trốn chạy của chúng tôi, và anh có thể đi báo công an đến bắt. Tôi tin rằng, trước khi tôi và mẹ tôi lên xe, anh Xuất cũng đã “kiểm tra” hành khách nhiều lần như thế, khiến thầy tôi đã phải kiếm một chỗ ngồi khá kín đáo mãi trong cùng thùng xe.

Về sau, thầy tôi cho biết là khi vừa đến bến xe, ông đã nhận ra anh Xuất và ông đã phải tìm cách lánh mặt. Vốn là một nhà nho, nên khi thấy anh Xuất, ông cũng hơi lo, vì sợ anh Xuất đến đồn công an tố giác ông là địa chủ trốn chạy. Song khi thấy anh Xuất dường như đã không nhận ra ông, thì lại hơi mừng vì trên đường trốn chạy mà gặp một người con trai còn độc thân tên “Xuất” thì cũng có nghĩa là đi thoát.

Cuối cùng, xe cũng đã rời bến vào lúc một giờ chiều. Trên đường tư Trung Hà về Sơn Tây, dài khoảng 25 cây số, xe đã ngừng lại nhiều lần để cho khách xuống và đón khách lên. Anh Xuất đã xuống xe khi chiếc xe đồ chạy gần đến bến xe Sơn Tây. Khi xuống xe anh đã mang đi hầu hết tất cả những nỗi lo ngại trong lòng tôi. Tuy nhiên, vẫn còn một mối lo khác là khi vào bến xe Sơn Tây để mua vé xe đi Hà Nội, chúng tôi có thể bị công an xét giấy tờ. Riêng tôi vẫn còn giữ được tấm thẻ Học Sinh niên khoá 1954, nên không gặp khó khăn nào. Còn thầy me tôi, không có bất kỳ một giấy tờ nào lộn lượm cả, có thể sẽ gặp trở ngại. Theo thông lệ trong vùng kháng chiến lúc bấy giờ, trong một hành trình đường dài như thế, thầy me tôi ít nhất phải có giấy chứng nhận hay giấy giới thiệu của Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến huyện, hay ít ra là của Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến xã mới được tạm coi là hợp lệ. Càng đến gần bến xe bao nhiêu thì mối lo trong lòng tôi càng tăng lên bấy nhiêu.

Khi đến đầu con đường rẽ vào bến xe Sơn Tây, thì chiếc xe đồ chờ chúng tôi đột ngột ngừng lại. Cứ mỗi lần xe ngừng bất thần, là chúng tôi lại lo ngại là, xe đã bị các toán công an lưu động chặn lại để xét giấy tờ hành khách và kiểm tra hàng hoá. Chưa biết thực hư ra sao, thì bỗng thấy một gã “mày râu nhẵn nhụi, áo quần

bánh bao” xuất hiện ở phía sau xe và nói với hành khách trong xe một cách rất lịch sự rằng: Theo lịch trình thì mãi đến chiều mai, 29 tết, xe của ông ta mới đến lượt đón khách về Hà Nội, song vì muốn về sớm ăn tết, nên mang xe ra đây đón một số khách về Hà Nội, hầu gỡ gạc chút ít tiền xăng nhớt. Thấy đây là cơ hội tốt để tránh những khó khăn có thể xảy ra ở bến xe Sơn Tây, chúng tôi vội vã chuyển sang xe của ông ta ngay. Liên sau đó, xe chuyển bánh.

Xe hành khách chạy đường Sơn Tây – Hà Nội, là hai thành phố tương đối lớn, nên có vẻ sạch sẽ và sang trọng hơn xe chạy đường Trung Hà – Sơn Tây rất nhiều. Trong xe, ghế bọc da còn khá mới và chỗ dựa rất êm. Có lẽ vì mới tiếp quản, xe hàng vẫn còn nằm trong tay tư nhân, và chưa bị bắt buộc phải ra nhập vào Công Ty Quốc Doanh Chuyên Chở, nên mới còn sang trọng như thế. Xe chạy khá nhanh và thẳng một mạch về Hà Nội. Khi gần đến bến xe Ô Cầu Giấy, gia đình tôi lại gặp may một lần nữa. Ông chủ xe kiêm tài xế cho biết vì không tiện vào bến xe, nên yêu hành khách vui lòng giúp ông xuống xe bên ngoài bến xe, và ông còn cho biết thêm là trên đường về nhà, xe của ông ta chạy qua phố Hàng Trống, nên ai muốn đến đó, hãy ngồi lại trên xe. Vì biết phố Hàng Trống rất gần phố Hàng Gai nên chúng tôi ngồi lại trên xe để đi vào giữa lòng thành phố Hà Nội.

Trên đường vào trung tâm Thủ Đô vào những ngày cận Tết khá nhộn nhịp. Xe của chúng tôi thường chạy qua những phố phường rợp trời cờ đỏ sao vàng và chui qua một số cổng chào đã được dựng lên mấy tháng trước đây để chào đón bộ đội cụ Hồ vào tiếp quản thủ đô Hà Nội và mới được tân trang để chào mừng Tết Nguyên Đán.

Khoảng 5 giờ chiều chúng tôi tới nhà bà chị ruột của thầy tôi. Vợ chồng người anh và đứa em gái của tôi cũng đã có mặt ở đó. Anh tôi cho biết chuyến đi của họ hầu như không hề gặp bất kỳ một khó khăn đáng kể nào cả. Tới bến xe Trung Hà mới 5 giờ sáng, đáp ngay chuyến đầu đi Sơn Tây, rồi vào chợ bán đồ bán tháo hết ngay một gánh hành, một gánh cà chua và một gánh xu hào mà họ gánh theo để “ngụy trang” chỉ giữ lại một số ít vào loại hảo hạng để biếu bà bác ăn tết. Sau đó đón xe đi Hà Nội.

Tới lúc bảy giờ thầy tôi mới nói rõ cho bà chị biết việc trốn chạy cộng sản và ý định di cư vào miền Nam của gia đình tôi, đồng thời xin bà cho tá túc trong những ngày chờ đợi tìm đường xuống Hải Phòng. Thầy tôi cũng nói sơ lược cho bà biết gia đình tôi đã bị dày đọa và đầu tó như thế nào trong chiến dịch Phóng Tay Phát Động Quân Chúng ở làng tôi. Ông cũng khuyên bà nên thu xếp gia đình để vào Sài Gòn làm ăn sinh sống thì tốt hơn, không nên tiếc rẻ mấy căn phố đang cho thuê để ở lại Hà Nội, vì những căn phố ấy trong tương lai chẳng những không thu được tiền cho thuê, mà còn có thể bị người thuê tố cáo ngược lại là đã cho thuê với giá cắt cổ để đòi lại tiền đã trả “thặng dư” cho chủ nhân từ trước tới nay nữa. Và rồi ra, những căn nhà ấy sẽ được nhà nước sung công và quản lý. Như phần đông người Hà Nội lúc bấy giờ, bà bác tôi không thấy được những gì Việt Minh đã làm, mà chỉ nghe những gì họ nói, nên cứ bám víu lấy nhà cửa để ở lại với Bác và Đảng. Khi thấy được thực tế phũ phàng, thì đã quá muộn màng mất rồi.

Trong thời gian chờ đợi tìm đường đi Hải Phòng, gia đình tôi được thu xếp đến tạm trú và ăn Tết At Mũi trong một căn hộ tại phố Hàng Đậu. Căn nhà này do người cháu gọi thầy tôi bằng chú làm chủ, và trước khi di cư vào Nam, được giao cho bà chị của thầy tôi quản lý. Tết At Mũi là cái tết đầu tiên cũng là cái tết cuối cùng gia đình tôi được ăn tết ở cố đô Thăng Long, nơi ngàn năm văn vật. Ngay tối hôm đó, tôi được mấy đứa cháu dẫn đi coi chợ hoa. Tại đây, tôi còn thấy cảnh ông Đồ già, quần trắng áo the thâm, “bày mực Tàu giấy đỏ, bên phố đông người qua⁽¹⁾” nhưng người thuê viết chỉ lác đác có mấy người.

Vào chiều mùng ba Tết, người chị ruột của thầy tôi đến thăm. Bà mang đến cho chúng tôi một giỏ bánh Tây (bánh mì) và thịt quay còn nóng hổi. Khi cả nhà đang ăn và nói chuyện với bà vui như Tết, thì tôi nghe thấy có tiếng xì xào ở phía cửa sau. Đứng lên, bước tới cửa sổ, nhìn ra sân, tôi thấy một người cao lớn, mặc đồ đại cán, đội nón cối có gắn huy hiệu Công An Nhân Dân đỏ chói. Có lẽ vì “có tật, giật mình” nên gia đình tôi hoảng hồn tưởng là công an Hà Nội đã đánh hơi thấy việc cư trú bất hợp pháp của gia đình tôi nên đến để dò xét và điều tra qua gia đình người hàng xóm. Những miếng bánh mì dòn tan và những miếng thịt quay béo ngậy đang ăn trong miệng bỗng nhiên mắc kẹt ở cuống họng. Bà bác tôi vội vàng ra về bằng cửa trước và kéo thầy me tôi đi luôn. Ít giờ sau mới vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là một anh công an bình thường, đến thăm một gia đình

¹ Thơ Vũ Đình Liên

quen biết là hàng xóm của chúng tôi, nhân ngày đầu năm. Vì nhà tôi và nhà người hàng xóm, chẳng những kế cận nhau mà còn có sân sau ăn thông với nhau nữa, và khi nói chuyện với gia chủ, chú công an đã vô tình đứng lấn khá sâu sang phần sân của chúng tôi, nên mới gây ra sự hiểu lầm.

Tới được Hà Nội với đầy đủ các thành viên trong gia đình, là điều rất mừng, song thực ra chúng tôi vẫn còn nằm trong vùng kiểm soát của Việt Minh. Chỉ khi nào vào được tới Hải Phòng, mới có thể nói là thành công. Trong thời gian chờ đợi tại Hà Nội, tôi tranh thủ thăm viếng hầu hết các bà con quyền thuộc để hỏi thăm đường đi nước bước và cũng thăm dò xem họ có cách nào giúp chúng tôi trốn xuống Hải Phòng? Một trong số thân nhân mà tôi đã viếng thăm là cô Lan, cùng lứa tuổi và là bà con bạn dì với tôi, nhà ở phố Hàng Cót. Được biết cô Lan vừa mới xuống Hải Phòng thăm mẹ trở về, nên tôi hỏi thăm khá kỹ về đường đi nước bước. Cô cho biết, vì là người đang cư ngụ hợp lệ tại Hà Nội, nên việc cô xin phép đi Hải Phòng hầu như không gặp khó khăn nào cả. Chỉ cần đến đồn Công An, xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh là cư dân Hà Nội là được cấp giấy phép đi Hải Phòng ngay. Còn người Hải Phòng, trong thời gian ấy thường lên Hà Nội để coi hát rất đông, vì đoàn văn công của Liên Khu Bắc Việt đang trình diễn thường trực tại Nhà Hát Lớn. Song cô không rõ là những người này khi trở về phải trình những giấy tờ gì? Cô cũng hứa là sẽ hỏi giúp tôi điều này và sẽ cho biết sau. Cô còn cho tôi xem Giấy Phép do công an Hà Nội cấp cho cô đi Hải Phòng nữa. Tôi thấy trong giấy phép của cô không có hình và còn tới hai tuần nữa mới hết hạn. Đọc giấy phép tôi mới biết tên cô là TRẦN PHƯƠNG LAN mà không phải là TRẦN THỊ LAN như tôi vẫn tưởng. Khi thấy giấy phép tên lót của cô lại là PHƯƠNG mà không phải là THỊ, như phần đông phụ nữ trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, nên tôi nghĩ ngay đến việc lợi dụng giấy phép này để đi Hải Phòng. Vì với cái tên TRẦN PHƯƠNG LAN người ta có thể nghĩ là tên của một cậu con trai hơn là tên của một cô con gái. Tôi bèn ngỏ lời hỏi mượn giấy phép của cô và được chấp thuận một cách không do dự ngay.

Sáng hôm sau tôi đã có mặt tại ga Hàng Cỏ để đón chuyến xe lửa đầu tiên đi Hải Phòng. Khi bước vào phòng bán vé, tôi thấy một vài chú Công An lảng vảng, nên cũng hồi hộp đôi chút, nhưng không bị xét hỏi gì cả. Tuy nhiên khi mua vé đi Hải Phòng tôi đã phải xuất trình giấy phép. Người bán vé dường như cũng chẳng thắc mắc gì về cái tên Trần Phương Lan là nam hay nữ cả.

Vài giờ sau đó tôi đã đến được ga Phạm Xa. Nơi đây xe lửa từ Hải Phòng lên Hà Nội, và Hà Nội xuống Hải Phòng phải ngừng lại cả giờ đồng hồ để hai bên Quốc-Cộng bàn giao và thay đổi nhân viên điều hành, với sự chứng kiến của Ủy Hội Quốc Tế gồm An Độ, Gia Nã Đại và Ba Lan. Tại giao điểm này, tôi thấy những hành khách ăn mặc có vẻ nửa quê, nửa tỉnh trên xe lửa Hà Nội đi Hải Phòng thường được công an và bộ đội “chiếu cố” kỹ lưỡng. Nhiều ông già, bà cả, và em nhỏ được công an và bộ đội đến hỏi giấy tờ, rồi bỏ đi. Và một lát sau, có lẽ là công an hay bộ đội giả dạng đến hỏi han và chuyện trò rất thân mật với họ như con cái hay chị em trong nhà và khi đoàn xe lửa kéo còi báo hiệu sắp sửa chuyển bánh, thì các bà bộ đội hay các cô công an giả dạng chồm tới ôn chăm lấy đối tượng kéo xuống xe, đồng thời miệng bù lu bù loa khóc lóc và năn nỉ rằng, bố hay mẹ, anh hay em đừng nghe theo lời tuyên truyền dụ dỗ của những tên Việt Gian bán nước, bỏ lại con cái, anh chị em, nhà cửa, ruộng vườn cùng mồ mả của ông cha để di cư vào Nam. Mặc dù người bị lôi kéo vừa giấy giụa vừa la hét chối bỏ sự liên hệ gia đình với những người này, nhưng vẫn bị công an và bộ đội kéo xuống xe, trước sự ngỡ ngác của các thành viên trong Ủy Hội Quốc Tế.

Mãi tới hơn mười giờ sáng tôi mới tới được căn nhà của cô tôi tạm trú trong thời gian chờ đợi đến lượt đi máy bay vào Sài Gòn. Đó là gia đình của một bà bạn thân của cô tôi. Chồng bà, theo cô Lan cho biết, là một viên chức cao cấp của Sở Công An Bắc Việt. Trong khi hàn huyên với cô tôi và bà chủ nhà về thăm cảnh ở quê tôi trong chín năm kháng chiến, và đặc biệt về những nghiệt ngã mà thầy mẹ tôi đã phải chịu đựng trong chiến dịch Phóng Tay Phát Động Quân Chúng, cùng những khó khăn của gia đình tôi trong việc kiếm đường từ Hà Nội xuống Hải Phòng. Tôi thấy bà chủ nhà có vẻ hiểu biết khá đầy đủ về những sự việc đã xảy ra chẳng những trong vùng Quốc Gia mà cả trong vùng Việt Minh nữa. Tuy là lần đầu tiên gặp bà, song phong cách và cách xử sự của bà khiến tôi có cảm tưởng như quen biết bà từ lâu. Vì là bạn thân của cô tôi, nên bà xưng là cô với tôi và gọi tôi bằng cháu. Bà cho biết là 12 giờ trưa, chồng bà, sẽ về nhà ăn cơm, và bà sẽ hỏi xem có cách nào giúp gia đình tôi xuống Hải Phòng không? Bà mời tôi dùng cơm trưa thanh đạm với gia đình bà và cô tôi⁽²⁾.

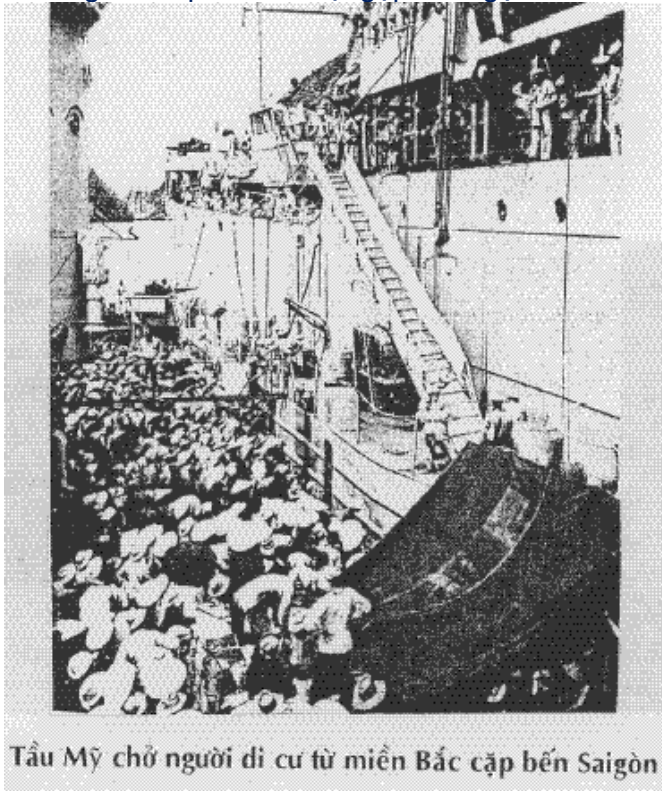
² Sau nhiều năm sống ở Sài Gòn, tình cờ đọc cuốn sách của Huy Trâm, tôi được biết bà bạn của cô tôi là nữ sĩ Thư Linh.

Đối với tôi lúc bấy giờ, vì đã sống chín năm trong sự tuyên truyền nhồi sọ của Việt Minh, nên nghĩ là những người Việt Nam làm việc cho Pháp là những tên Việt Gian bán nước nguy hiểm. Khi nghĩ rằng, chỉ còn một vài phút nữa thôi, sẽ gặp một tên “Việt Gian” hạng gộc, nên tôi tự nhủ là cần phải thận trọng trong lời ăn tiếng nói để tránh hệ lụy.

Hơn 12 giờ, chồng bà về tới nhà trên một chiếc xe mobylette cọc cạch. Phong thái giản dị và cách ăn nói nhẹ nhàng của ông đã làm cho thành kiến ban đầu của tôi về ông tiêu tan. Sau khi được biết về tình trạng khó khăn của gia đình tôi, ông cho biết là thủ tướng Ngô Đình Diệm đã chỉ thị cho Thủ Hiến Lê Quang Luật phải vận dụng mọi phương tiện để giúp đỡ tất cả những người nào ở miền Bắc muốn di cư vào miền Nam. Sở công an của ông cũng đã nhận được chỉ thị là phải tìm mọi cách để giúp đỡ dân chúng đang sống trong vùng Việt Minh kiểm soát trốn sang vùng Quốc Gia càng đông càng hay. Ông còn thêm là, mới đây sở Công An được biết trên các tuyến xe lửa cùng như xe hơi vào Hải Phòng, bọn Việt Minh chặn xét giấy tờ rất nghiêm ngặt và chỉ cho phép những người nào có giấy tờ của chúng cấp mới được vào vùng kiểm soát của Pháp và những người nào có đủ giấy tờ chứng minh là đang cư ngụ trong vùng tạm chiếm mới được vào Hải Phòng. Ty công an Hải Phòng đã tương kế tựu kế, buộc những người dân đang sống trong vùng, khi muốn thăm viếng thân nhân trong vùng Việt Minh kiểm soát phải xin giấy thông hành. Khi cấp thông hành, thì giấy Căn Cứ có hình được giữ lại cho đến khi nào trở về mới được hoàn trả. Trên giấy thông hành không bắt buộc phải dán hình, nên Ty Công An có thể cấp giấy này cho một số người dân đang sống trong vùng Việt Cộng để họ có giấy tờ hợp lệ vào Hải Phòng. Sau hết, ông cho biết thêm là ông sẽ tới Ty Công An Hải Phòng lấy cho tôi một số Giấy Thông Hành đã đóng dấu và ký tên, nhưng chưa có tên người được cấp, để tôi tùy nghi sử dụng. Ông cũng khuyên tôi là khi đã có đủ giấy tờ nên đi ngay, không nên chần chừ, vì chỉ một thời gian ngắn sau thôi, bọn Cộng Sản sẽ đánh hơi được việc này, thì nguy hiểm khó lường.

Ngay chiều hôm ấy tôi trở về Hà Nội với một xấp giấy thông hành dưới dạng “bạch khế” được giấu trong lớp giấy lót trong chiếc nón cối của tôi. Như thế là khâu khó nhất trong việc trốn chạy của gia đình tôi đã có lối thoát. Chỉ còn mỗi một việc chót nữa là vào một buổi sáng đẹp trời rất gần, cả gia đình sẽ “hiên ngang” bước vào ga hàng cỏ, đáp xe lửa đi Hải Phòng là xong.

Nào ngờ vào phút chót lại gặp trở ngại khá lớn. Số là người chị dâu của tôi, khi thấy giấy thông hành để đi



Tàu Mỹ chở người di cư từ miền Bắc cập bến Saigon

vào Hải Phòng đã được cấp, bỗng oà lên khóc, đòi trở về sống với bố mẹ ở làng Vĩnh Lại. Công bằng mà nói, việc xuất giá tòng phu của chị vào lúc ấy là một sự mất mát lớn lao cho cá nhân chị. Gia đình chị trong chiến dịch Phát Động Quần Chúng cùng đợt với làng tôi, được xếp loại là Trung Nông, nên không bị đối xử tàn tệ. Do đó việc lôi kéo chị đi trốn chạy với gia đình tôi vào miền Nam, không một lời từ biệt mẹ cha và anh em ruột thịt, và rất có thể chị sẽ không bao giờ còn gặp lại họ nữa, chắc chắn là một nỗi đau lòng đối với chị. Khi rời căn nhà trại ra đi, anh tôi đã không nói rõ cho chị biết chuyện này, mà chỉ nói là đi chợ Sơn Tây bán rau quả và nếu còn sớm có thể đi Hà Nội thăm bà con và viếng thăm danh lam thắng cảnh. Đến khi thấy thầy me tôi và tôi cũng đã tới nhà bà bác tôi ở Hà Nội, lúc bấy giờ anh tôi thấy rằng không còn “lấy thúng úp voi” được nữa, mới thú nhận việc trốn chạy của gia đình tôi với chị. Có lẽ phần vì chị có bầu sắp đến ngày sanh, phần vì chưa chắc gì gia đình tôi có cơ may trốn thoát xuống Hải Phòng được, nên chỉ khóc lóc sơ sơ thôi. Nhưng đến khi có giấy thông hành đi Hải Phòng trong tay rồi. Nghĩa là việc ra đi của gia đình tôi hầu như không còn gặp khó khăn nào nữa, nên chị mới đòi trở về quê một cách cương quyết hơn.

Tôi không biết anh tôi xoay sở và năn nỉ làm sao, mà sáng hôm sau chị dâu tôi bằng lòng cùng gia đình tôi đi Hải Phòng. Song sự ra đi đầy miến cưỡng của chị khiến gia đình tôi lo ngại rằng, trên đường đi, chị có thể tìm

gặp công an hay bộ đội ở ga xe lửa Hàng Cỏ hay ở ga Phạm Xá để xin trở về làng, gián tiếp tố cáo sự trốn chạy của gia đình tôi.

Cuối cùng nhờ Trời Phật và ông bà phù hộ, chuyện đó đã không xảy ra và gia đình tôi đã lọt vào Hải Phòng một cách êm xuôi. Do sự sắp xếp của một người cháu gọi thầy tôi bằng chú, chúng tôi đến tạm trú trong một căn nhà ở phố Cầu Đất. Rồi sáng hôm sau được dẫn tới trụ sở của Phủ Tổng Uy Di Cư làm các thủ tục cần thiết để di cư vào miền Nam. Tại đây chúng tôi được tiếp đón niềm nở và được giúp đỡ tận tình. Đúng hai tuần sau, một chiếc GMC đến đón chúng tôi để đưa ra bến cảng. Gia đình tôi và nhiều gia đình khác được đưa xuống một chiếc tàu “há mồm” để đi ra chiếc tàu lớn có tên là Adder, đậu ở Vịnh Hạ Long, trong chuyến đầu tiên của nó chở người tỵ nạn cộng sản từ cảng Hải Phòng vào cảng Sài Gòn.

Đưa con gái đầu lòng của anh tôi được sinh ra trên chiếc tàu này và cháu được đặt tên là Vũ Thị Nam-Mỹ, để kỷ niệm một cuộc trốn chạy cộng sản vào miền Nam tự do thành công trên một chiếc tàu Mỹ của gia đình tôi.